

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Sơn, ông Cù Xuân Phú.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thế Hồng – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 24/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03/7/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 16/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt;

Bị đơn: Ông Hà Huy T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007. Vắng mặt có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T kết hôn với nhau vào ngày 13/7/1999 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống thường ngày vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm đến nhau. Vào ngày 15 tháng 6 năm 2024 vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông T đuổi bà M ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay bà M xác định giữa bà và ông T không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M xin được ly hôn với ông T để đảm bảo cuộc sống cho hai bên.

* *Về con chung*: Quá trình sống chung giữa bà M và ông T có 02 người con chung cháu Hà Huy H, sinh ngày: 24/3/2001 và cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007. Hiện nay cháu Hà Huy H đã đủ 18 tuổi nên bà M không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng. Còn cháu Hà Huy D hiện nay chưa đủ 18 tuổi, bà M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hà Huy D cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà M.

* *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện và tại phiên toà hôm nay bà Nguyễn Thị M khẳng định, quá trình chung sống giữa bà M và ông T không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024 ông Hà Huy T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Hà Huy T kết hôn với bà Nguyễn Thị M vào ngày 13/7/1999 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu là hôn nhân tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà M sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình. Từ ngày 15/6/2024 vợ chồng sống ly thân nhau. Hiện nay bà M xin ly hôn ông T nhưng ông T xác định tình cảm vợ chồng đang còn, mong bà M suy nghĩ lại để vợ chồng trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình sống chung giữa ông T và bà M có 02 người con chung, cháu Hà Huy H, sinh ngày: 24/3/2001 và cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007. Hiện nay cháu Hà Huy H đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, tự nuôi sống bản thân nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Còn cháu Hà Huy D hiện nay cháu chưa đủ 18 tuổi, cháu muốn ở với ai sau khi bố mẹ ly hôn thì tùy thuộc vào cháu.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông Hà Huy T thống nhất như ý kiến của bà M. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung, nếu trường hợp vợ chồng ly hôn, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung.

* *Theo kết quả xác minh ngày 29/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh*. Bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T là vợ chồng, sau khi kết hôn bà M, ông T, sinh sống tại thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, quá trình sống chung giữa bà M, ông T có 02 người con chung gồm cháu Hà Huy H, sinh ngày: 24/3/2001 và cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007. Quá trình chúng sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, khoảng tháng 6 năm 2024 bà M, ông T có phát sinh mâu thuẫn gay gắt bà M đã sống ly thân ông T cho đến nay. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn ông T, chính quyền địa phương đề nghị Toà án kiên trì hoà giải, trường hợp hoà giải không

thành thì đề nghị Toà án giải quyết cho bà M được ly hôn ông T theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định tư cách pháp lý của đương sự theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Thụ lý vụ án và thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự; lập hồ sơ vụ án theo đúng Điều 204 Bộ luật tố tụng dân sự; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng quy định tại Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; xác minh thu thập chứng cứ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án như nguyên tắc xét xử, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M chấp hành đúng pháp luật, còn bị đơn ông Hà Huy T không có mặt tại phiên tòa ngày 16 tháng 9 và ngày 24 tháng 9 năm 2024 là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 4 Điều 147 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Hà Huy T.

+ *Về quan hệ con chung:* Giao cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

+ *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Hà Huy T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Hà Huy T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy Tân k có tài sản chung, không vay nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

+ *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hà Huy T. Ông T có nơi cư trú tại thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã có bản khai, bản lấy lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tố tụng và cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra, giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, thông báo hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã chấp hành đầy đủ, còn bị đơn ông Hà Huy T không thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự đó là không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa ngày 16 tháng 9 năm 2024.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M kết hôn với ông Hà Huy T vào ngày 13/7/1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn bà M, ông T sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của bà M vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt trầm trọng đỉnh điểm là ngày 15/6/2024 nên bà M quyết định sống ly thân ông T từ đó cho đến nay. Sau thời gian sống ly thân, bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Còn ông Hà Huy T trình bày, ông T với và M kết hôn với nhau vào ngày 13/7/1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn ông T, bà M sống sống hạnh phúc đến được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không phải như bà M trình bày mà nguyên nhân chính là do bà M sống không chung thủy, sau đó trong cuộc sống vợ chồng có một vài mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Hiện tại bà M yêu cầu ly hôn nhưng ông T không đồng ý, mong bà M suy nghĩ lại để vợ chồng trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, dù bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T không đồng nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xét đến cùng thì nguyên nhân cũng bắt đầu từ sự bất đồng về quan điểm sống, giữa bà M và ông T không có sự thấu hiểu, quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Điều đó được thể hiện qua thời gian bà M, ông T

sống ly thân cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, giữa hai người không gặp gỡ, trao đổi, bàn bạc và có ý hàn gắn tình cảm với nhau. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy Tân I vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Hà Huy T.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị M và ông Hà Huy T có 02 người con chung là cháu Hà Huy H, sinh ngày: 24/3/2021 và cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007. Hiện tại cháu H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) anh bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu D đang sống cùng bà Nguyễn Thị M. Sau khi ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Bà M không yêu cầu chị ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Hà Huy D đã trên 7 tuổi, cháu D đã có Bản tự khai trình bày nguyện vọng tha thiết được với bà M. Vì từ thời điểm bà M, ông T sống ly thân đến nay bà M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Huy D là nguyện vọng chính đáng vì từ thời điểm bà M, ông T sống ly thân nhau đến nay bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chu cấp về kinh tế cho cháu D, hơn thế nữa cháu Hà Huy D tha thiết được ở với mẹ (bà Nguyễn Thị M). Còn ông Hà Huy T trình bày quan điểm của mình về người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D sau khi ly hôn, cháu muốn ở với ai thì tùy vào cháu. Trên cơ sở xem xét một cách toàn diện Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu Hà Huy D là hoàn toàn chính đáng và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu Hà Huy D thì cần giao cháu Hà Huy D cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Hà Huy T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, bà Nguyễn Thị M có nghề nghiệp (công chức) và có mức thu nhập bình quân ổn định nên bà Nguyễn Thị M khẳng định có đủ điều kiện đảm bảo mọi mặt đối với việc nuôi dưỡng cháu Hà Huy D. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của bà Nguyễn Thị M là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị M khẳng định giữa bà M và ông T không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà M về tài sản chung và nợ chung.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28 ; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 6; Điều 7 ; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Hà Huy T.

* *Về quan hệ con chung:* Giao cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Huy D, sinh ngày: 10/9/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Hà Huy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị M.

Ông Hà Huy T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về án phí:* Buộc buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002904, ngày 03/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ.

* *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Hà Huy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Chi cục THA Dân sự Hương Sơn;
- UBND xã An Hoà Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

